TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2024/DS-ST;
Ngày 12/8/2024;
V/v: Chia thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Học.

+ Ông Lê Xuân Sơn.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông L Hữu Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/8/2024 và ngày 12/8/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2023/TLST-DS ngày 15/8/2023, về việc: *Tranh chấp chia thừa kế tài sản*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 15/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn HT 3, xã HT, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

***Bị đơn:** Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn HT 3, xã HT, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

***Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Đỗ Đình Đ, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn HT 3, xã HT, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày**:

Về quan hệ nhân thân:

Bố bà T là cụ Đỗ Đình Sửu, đã mất năm 1994. Sinh thời cụ Sửu có 03 người vợ, gồm:

Vợ thứ nhất (Bà T không rõ tên tuổi, địa chỉ), sinh được 02 người con.

Vợ thứ hai là cụ Đỗ Thị Thìn, đã mất năm 2021, sinh được 02 con là Đỗ Thị T và Đỗ Thị L (Nguyên, Bị đơn trong vụ án).

Vợ thứ 3 là cụ Đỗ Thị Đường, sinh được 05 người con.

Trong thời gian đang là vợ chồng với cụ Đỗ Thị Đường thì cụ Sửu có qua lại với cụ Thìn (là mẹ bà T và bà L) và sinh được 02 người con.

Thực tế cụ Sửu không chung sống cùng cụ Thìn và 02 con là T và L.

Khoảng trước năm 1980 (Bà T có nghe mẹ kể lại), do thấy hoàn cảnh của 3 mẹ con khó khăn, không có chỗ ở, lúc đó, cụ Nguyễn Thị Tuất là mẹ đẻ cụ Thìn đã cho cả 3 mẹ con diện tích đất 100m2 thuộc Thửa đất số 140, tờ bản đồ số 1c, diện tích 100m2.

Sau đó, năm 2001, cụ Thìn đã bán 1 phần diện tích 50m2 đất của thửa đất trên cho ông Đỗ Đình Khang, hiện còn lại là 50m2 đứng tên bà Đỗ Thị L.

Ngoài ra cụ Thìn còn có 02 thửa ruộng gồm 11 thước ở xứ đồng Lươn Ba và 11 thước ở xứ đồng cây gạo Tam, hiện nay bà L đang sử dụng.

Bà T khởi kiện, yêu cầu các nội dung sau:

Yêu cầu bà L trả lại 1 phần quyền thừa kế thửa đất số 299a, tờ bản đồ số 8, chia đều phần thừa kế đất ở theo pháp luật.

Chia phần tài sản trên đất là ngôi nhà do mẹ xây cất (Do đã bán 1 phần đất đi để xây dựng), đề nghị chia cho 2 chị em.

Chia 02 thửa đất nông nghiệp của cụ Thìn để lại gồm: cụ Thìn có 02 thửa ruộng gồm 264m2 ở xứ Đồng Bãi Nhất, ở khu Lươn 3 có 264m2, hiện đã được cấp sổ đỏ vào sổ của ông Đỗ Đình Đ (Là chồng bà L), bà T đồng ý mỗi người sử dụng 1 Thửa.

Ngoài ra bà T không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

***Bị đơn trình bày:**

Về nội dung bà T trình bày về quan hệ nhân thân, bà chỉ biết nội dung mẹ

bà là cụ Đỗ Thị Thìn, sinh năm 1943, mất năm 2021, mẹ bà không đăng ký kết hôn với ai và sinh được 02 người con gái là:

Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1969 và bà là Đỗ Thị L, sinh năm 1975.

Khi mẹ cụ Thìn là cụ Tuất còn sống đã cho cụ Thìn Thửa đất số 140, tờ bản đồ 1c, diện tích 100m2 tại xã HT, huyện Phúc Thọ. Đến năm 2021 do không có tiền chữa bệnh nên cụ Thìn đã chuyển nhượng ½ thửa đất là 50m2 cho ông Đỗ Đình Khang, việc chuyển nhượng đã sang tên theo quy định của pháp luật.

Năm 2008, cụ Thìn đã làm thủ tục tặng cho bà L diện tích đất 50m2 còn lại có xác nhận của UBND xã HT. Đến năm 2021 bà L đã làm thủ tục nhận tặng cho và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 503383 ngày 22/4/2021 đứng tên Đỗ Thị L.

Nay bà T khởi kiện chia thừa kế về đất thổ cư, bà L không đồng ý vì cụ Thìn đã tặng cho bà, về ngôi nhà trên đất do cụ Thìn xây dựng và cũng tặng cho bà nên bà không đồng ý chia.

Đối với đất nông nghiệp, cụ Thìn có 02 thửa ruộng gồm 264m2 ở xứ Đồng Bãi Nhất, ở khu Lươn 3 có 264m2, hiện đã được cấp sổ đỏ vào sổ của ông Đỗ Đình Đ (Là chồng bà L). Về đất nông nghiệp, bà L đồng ý mỗi người sử dụng 1 Thửa.

Về việc bà T cho rằng, trước năm 1980, cụ Tuất (là cụ ngoại) cho cả 3 mẹ con 100m2 đất, lúc đó bà còn nhỏ nên không chứng kiến nhưng sau này được nghe cụ Thìn kể lại là cụ ngoại chỉ cho 1 mình cụ Thìn, không phải cho cả 3 mẹ con như bà T khai.

Ngoài ra bà L không có yêu cầu hoặc đề nghị gì thêm.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Đình Đ trình bày:**

Ông Đỗ Đình Đ là chồng của bà Đỗ Thị L. Về việc tranh chấp đất giữa vợ ông và bà T, ông Đ có ý kiến: Đất thổ cư là của cụ Đỗ Thị Thìn (mẹ vợ ông). Cụ Thìn trước khi mất đã tặng cho vợ ông là Đỗ Thị L. Do bà T không chăm sóc cụ Thìn nên không được cụ tặng cho tài sản.

Còn về đất nông nghiệp, hiện đang ở trong sổ đỏ của ông. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa**:

Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Toà án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng

xét xử quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Bộ luật dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện về chia di sản thừa kế của bà T.

Xác định di sản của cụ Thìn là 528 m2 đất nông nghiệp, xác định công sức của bà L là 1/3 diện tích đất nông nghiệp, giao cho bà T sử dụng 1/3 diện tích đất nông nghiệp và bà L sử dụng 2/3 diện tích đất nông nghiệp.

Bác yêu cầu về chia đất thổ cư 100m2 và ngôi nhà trên đất.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là "Tranh chấp về chia thừa kế tài sản"; theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ nhân thân, bị đơn là bà L không bổ sung, không đưa ra các chứng cứ và cũng không phản đối lời khai của bà T, đồng thời, theo xác nhận của chính quyền địa phương thì cụ Đỗ Đình Sửu có thời gian chung sống cùng cụ Đỗ Thị Thìn và cụ Thìn có sinh được 02 người con là bà Đỗ Thị T và bà Đỗ Thị L; theo lời khai nhận của các bên đương sự thì bà T thừa nhận cụ Sửu tuy là bố đẻ của 2 chị em nhưng không chung sống cùng 3 mẹ con; bà L không thừa nhận cụ Sửu là bố, không biết bố đẻ là ai, từ lúc nhận thức được chỉ có 3 mẹ con ở với nhau.

Cụ Đỗ Đình Sửu mất ngày 02/3/1994 và cụ Đỗ Thị Thìn mất ngày 25/9/2021 và đều không có di chúc để lại. Thời hiệu khởi kiện chia thừa kế vẫn còn.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định, giai đoạn từ trước năm 1980 chỉ có 3 người là cụ Thìn và 02 người con là bà T, bà L cùng chung sống tại thửa đất thổ cư đang có tranh chấp.

Về diễn biến tài sản:

Như phân tích ở trên thì các đương sự đều thừa nhận, cụ Sửu không chung sống cùng 3 mẹ con bà Thìn nên không phát sinh tài sản gì cùng 3 mẹ con, cũng như của cá nhân cụ Sửu.

Về nguồn gốc thửa đất thổ cư, theo xác nhận của UBND xã thì khoảng thời gian năm 1980, thửa đất hiện tranh chấp là Thửa số 140, tờ bản đồ số 1c, diện tích 100m2 tại Thôn HT 3, xã HT, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng, thửa đất do cụ Nguyễn Thị Tuất (là cụ ngoại - mẹ đẻ cụ Đỗ Thị Thìn) tặng cho; tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng cụ Tuất tặng cho cả 3 mẹ con, bị đơn cho rằng chỉ tặng cho 1 mình cụ Thìn.

Xét tại Sổ mục kê hiện lưu giữ tại UBND xã HT chỉ ghi tên cá nhân cụ Đỗ Thị Thìn, quá trình giải quyết vụ án, bà T không cung cấp được thông tin thửa đất trên là của Hộ gia đình. Do đó có đủ căn cứ khẳng định, Thửa đất thổ cư số 140, tờ bản đồ số 1c, diện tích 100m2 theo Sổ mục kê lập khoảng năm 1980 tại Thôn HT 3, xã HT, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội là tài sản riêng của cụ Đỗ Thị Thìn được mẹ đẻ tặng cho riêng. Yêu cầu của bà Đỗ Thị T về xác định quyền lợi của bà tại Thửa đất này là không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, Thửa đất nêu trên là tài sản riêng của cụ Thìn nên cụ Thìn có toàn quyền định đoạt mà không phụ thuộc vào ý kiến của người khác.

Ngày 20/9/2008, cụ Đỗ Thị Thìn lập di chúc tặng cho bà Đỗ Thị L 50m2 đất thuộc thửa số 299A, tờ bản đồ số 8. Di chúc đã được thực hiện và bà L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2021, đồng thời năm 2011, cụ Đỗ Thị Thìn đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Đình Khang 50m2 đất tại Thửa đất số 140, tờ bản đồ số 1c, diện tích 100m2, hiện ông Khang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, di sản về đất thổ cư của cụ Đỗ Thị Thìn đã được cụ Thìn định đoạt lúc còn sống nên yêu cầu của bà Đỗ Thị T về chia di sản thừa kế của cụ Thìn là không có cơ sở chấp nhận.

Xét về yêu cầu công sức của bà Đỗ Thị T đối với diện tích đất thổ cư mà 03 mẹ con cùng ở. Nhận thấy, bà T sinh năm 1969, bà Đỗ Thị L sinh năm 1975, thời điểm trước năm 1980 được các đương sự cùng thừa nhận là chung sống cùng nhau và do hoàn cảnh đặc biệt nên được cụ Tuất là cụ ngoại (Mẹ cụ Thìn) cho đất để ở. Xét điều kiện thời điểm đó, bà T là con gái lớn đã cùng mẹ chăm lo cho em, lo kinh tế trong gia đình cùng mẹ đến năm 1988 mới lấy chồng. Đồng thời, bà L trong quá trình giải quyết vụ án và tại buổi hòa giải ở UBND xã Hiệp Thuân cũng đã tự nguyện đồng ý "Trao tặng" cho bà T số tiền 50.000.000đ. Do đó cần buộc bà Đỗ Thị L (là người được hưởng toàn bộ di sản của cụ Thìn) thanh toán phần công sức cho bà T với số tiền 100.000.000đ là phù hợp.

Về diện tích đất nông nghiệp là di sản của cụ Thìn, theo lời thừa nhận của các bên đương sự cùng tài liệu lưu tại UBND xã HT thì cụ Thìn có 02 thửa ruộng gồm 264m2 ở xứ Đồng Bãi Nhất, ở khu Lươn 3 có 264m2, hiện đã được cấp Giấy chứng nhận vào chung sổ của ông Đỗ Đình Đ (Là chồng bà L). Cụ Thìn mất không có di chúc phân định tài sản, người thừa kế hàng thứ nhất của cụ Thìn chỉ có 02 con là bà T và bà L, bố mẹ cụ Thìn mất đã lâu. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thống nhất thỏa thuận, bà T sử dụng xứ đồng Lươn 3 với diện tích 264m2, bà L sử dụng xứ đồng Bãi Nhất với diện tích là 264m2.

Theo biên bản định giá đất nông nghiệp năm 2023 (Các đương sự đều không yêu cầu định giá lại) giá đất nông nghiệp là 822.000đ/01m2.

264m2 x 822.000đ/1m2 = 217.008.000đ.

Về công sức của bà L đối với diện tích đất nông nghiệp, xét thời gian qua bà L đã canh tác và thu lợi sản phẩm trên toàn bộ thửa đất, bà T không được hưởng. Do đó việc trích công sức cho bà L đối với đất nông nghiệp là không có căn cứ.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phù hợp một phần với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[2]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 212, 609, 611, 612, 613, 623, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T về chia thừa kế tài sản của cụ Đỗ Thị Thìn.

2. Xác định di sản của cụ Đỗ Thị Thìn là 528 m2 đất nông nghiệp thuộc 02 xứ đồng gồm xứ đồng Bãi Nhất là 264m2 và xứ đồng Lươn 3 là 264 m2.

3. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Đỗ Thị T về di sản của cụ Đỗ Thị Thìn là thửa đất thổ cư 100m2.

Không chấp nhận yêu cầu về quyền lợi của bà Đỗ Thị T tại thửa đất thổ cư 100m2.

4. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Đỗ Thị T về chia đất nông nghiệp của cụ Đỗ Thị Thìn gồm 528 m2, thuộc 02 xứ đồng gồm xứ đồng Bãi Nhất là 264m2 và xứ đồng Lươn 3 là 264 m2.

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Đỗ Thị Thìn là năm 2021, hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Bà Đỗ Thị T và bà Đỗ Thị L.

5. Giao cho bà Đỗ Thị T sử dụng xứ đồng L 3 với diện tích 264m2.

6. Giao cho bà Đỗ Thị L sử dụng xứ đồng Bãi Nhất với diện tích là 264m2.

7. Bà Đỗ Thị L có trách nhiệm thanh toán cho bà Đỗ Thị T giá trị công sức tại thửa đất thổ cư 100m2 số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Có sơ đồ chi tiết kèm theo.

Các bên có nghĩa vụ kê khai và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền về việc biến động đất và phải chịu các nghĩa vụ tài chính (Nếu có).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

*Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các §iÒu 6, 7, 7a, 7b vµ 9 LuËt Thi hµnh ¸n

D©n sù; thêi hiÖu thi hµnh ¸n ®-îc quy ®Þnh t¹i §iÒu 30 LuËt Thi hµnh ¸n D©n sù.

8. Về án phí:

+ Bà Đỗ Thị T phải chịu 10.850.000đ (Mười triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0042020 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Bà T còn phải nộp tiếp số tiền 3.350.000đ (Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bà Đỗ Thị L phải chịu 15.850.000đ (Mười lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND. Thành phố HN;
- VKSND. huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA